

Số: 12504/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO**Tình hình triển khai xây dựng Chính phủ điện tử năm 2018**

VĂN PHÒNG TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Số: 966
Ngày: 24/12/2018
Chuyên: M. Chiến

Văn phòng Chính phủ xin báo cáo tình hình thực hiện, kết quả triển khai các nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử năm 2018 như sau:

I. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Theo đánh giá của Liên hợp quốc năm 2018, Việt Nam tăng 01 bậc so với năm 2016, xếp hạng 88/193 quốc gia và đứng thứ 06/11 quốc gia trong khu vực ASEAN¹. Trong đó, chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI) tăng đáng kể so với năm 2016 (59/193 quốc gia); chỉ số Hạ tầng viễn thông (TII) liên tục giảm trong 4 kỳ báo cáo (2012 - 2018) gần nhất (xếp hạng 100/193 quốc gia) nằm dưới mức trung bình của cả khu vực và thế giới; chỉ số nguồn nhân lực (HCI) tăng nhẹ so với năm 2016 (xếp hạng 120/193), cao hơn mức trung bình của thế giới nhưng thấp hơn so với mức trung bình của châu Á và ASEAN.

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Năm 2018, Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã có những chỉ đạo mạnh mẽ để triển khai, thúc đẩy Chính phủ điện tử. Thủ tướng Chính phủ đã quán triệt quan điểm chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử gắn kết với cải cách hành chính, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số và việc xây dựng Chính phủ điện tử phải “Nghĩ lớn, nhìn tổng thể, hành động nhanh, bắt đầu từ những việc nhỏ nhưng hiệu quả lớn” nhằm hiện thực hóa quyết tâm của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử (Quyết định số 1072/QĐ-TTg) trên cơ sở kiện toàn lại Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin, với sự tham gia của 10 thành viên Chính phủ và Chủ tịch các Tập đoàn, Tổng công ty lớn về CNTT, do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Ủy ban, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam làm Phó Chủ tịch Ủy ban, Bộ trưởng, Chủ nhiệm làm Ủy viên thường trực kiêm Tổng thư ký và chỉ đạo việc thiết lập các Ban chỉ đạo tại bộ, ngành, địa phương. Đến nay, đã có 37 bộ, ngành, địa phương thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/ Chính quyền điện tử do người đứng đầu bộ, ngành, địa phương làm Trưởng ban.

¹ Sau Singapore, Malaysia, Brunei, Thái Lan và Philippines.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban cũng đã ban hành Quy chế hoạt động, Kế hoạch hoạt động của Ủy ban 4 tháng cuối năm 2018 và đã họp phiên toàn thể lần thứ nhất tập trung vào việc cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025.

Để bảo đảm hiệu quả thực thi, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử đã thành lập Tổ công tác giúp việc Chủ tịch Ủy ban do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Tổ trưởng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông làm Tổ phó để phục vụ các hoạt động của Ủy ban, nghiên cứu, đề xuất, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện và phản biện các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, giải pháp công nghệ, an ninh, an toàn thông tin trong xây dựng Chính phủ điện tử và giao Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông là hai hạt nhân trong xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử. Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông đã ký quy chế phối hợp trong công tác này và tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tháng giữa hai Bộ trưởng để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai.

Văn phòng Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia trong nước và quốc tế đánh giá việc triển khai Chính phủ điện tử và xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2020, định hướng 2025², hiện đang trình Thủ tướng xem xét, quyết định.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử

Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), xây dựng Chính phủ điện tử được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo. Trong năm 2018, nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành³ tạo hành lang pháp lý cho việc thiết lập, ứng dụng CNTT trong phục vụ người dân, doanh nghiệp và trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Ngoài ra, một số văn bản quy phạm pháp luật quan trọng đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện như Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT thay thế Nghị định 102/2009/NĐ-CP và Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg (đã thẩm định xong và đang gửi xin ý kiến các thành viên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử); Nghị định về chế độ báo cáo trong các cơ quan nhà nước (đã

² Văn phòng Chính phủ đã tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế; tổ chức hội thảo và hơn 100 cuộc họp, buổi làm việc với các chuyên gia trong nước và quốc tế; trong đó có hơn 20 cuộc họp với các tổ chức quốc tế, sứ quán các nước (Úc, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản, World Bank, AFD...), hơn 50 cuộc họp với các chuyên gia trong nước và quốc tế để đánh giá việc triển khai Chính phủ điện tử tại Việt Nam và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình để thúc đẩy việc thực hiện.

³ Luật An ninh mạng; Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24/4/2018; Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018; Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018; Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg; Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018...

lấy ý kiến thành viên Chính phủ và đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành); các Nghị định về kết nối, chia sẻ dữ liệu, Nghị định về xác thực và định danh điện tử cho cá nhân, tổ chức và Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (đang trong quá trình đề xuất xây dựng Nghị định)

3. Xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử và một số hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và hoạt động của cơ quan nhà nước

a) Xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

- Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và bộ, ngành, địa phương xây dựng Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai của các bộ, ngành, địa phương và đáp ứng tiếp cận kịp thời với xu hướng phát triển Chính phủ điện tử và nhiều công nghệ mới trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin: Văn phòng Chính phủ đã xây dựng và gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương Dự thảo Đề án giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu và tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ tiên tiến của thế giới.

- Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia nền tảng ưu tiên cho phát triển Chính phủ điện tử: Các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư⁴, Đất đai⁵, Tài chính⁶, Bảo hiểm⁷ đang trong giai đoạn triển khai, hoàn thiện. Còn cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp đã được đưa vào vận hành từ năm 2010 (lưu trữ dữ liệu của hơn 1 triệu doanh nghiệp) nhưng cơ chế chia sẻ dữ liệu, sử dụng dữ liệu cho nhiều hệ thống thông tin còn hạn chế.

b) Triển khai và đưa vào vận hành một số hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và hoạt động của cơ quan nhà nước

- Triển khai các hệ thống phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Các bộ, ngành, địa phương đã chủ động cung cấp nhiều dịch vụ công trực tuyến. Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến quý IV năm 2018, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 các Bộ, ngành đã cung cấp là 1.721

⁴ Bộ Công an đang triển khai Dự án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư”. Hiện nay, đã phối hợp với Bộ Tư pháp cấp gần 1,7 triệu số định danh cho trẻ em đăng ký khai sinh.

⁵ Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện Dự án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai”. Hiện nay, Dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và đang triển khai Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” và đang xem xét, phê duyệt Dự án “Xây dựng Hệ thống thông tin đất đai và mô hình giao dịch đất đai điện tử” để tiếp tục triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

⁶ Bộ Tài chính đang triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính” đã được phê duyệt từ cuối 2016. Hiện nay đang hoàn thiện kiến trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính (gồm Báo cáo về thiết kế kiến trúc khái niệm và Mô hình kiến trúc chi tiết cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính) làm căn cứ để tiến hành xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp về Tài chính (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính).

⁷ Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã hoàn thiện và quản lý tập trung Cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế theo mã số Bảo hiểm xã hội, lưu trữ thông tin của hơn 93 triệu dân, tương ứng khoảng 25 triệu hộ gia đình trên toàn quốc. Đây là thành phần quan trọng nhất của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

dịch vụ và các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương là 45.247 dịch vụ. Tuy nhiên, số lượng dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến vẫn còn thấp, đặc biệt ở địa phương là 12,84%, còn với Bộ, ngành là 49,85%⁸.

+ Văn phòng Chính phủ đã xây dựng và đưa vào hoạt động Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp (tại địa chỉ <http://doanhnghiep.chinhphu.vn> từ cuối năm 2016) và người dân (tại địa chỉ <https://nguoidan.chinhphu.vn> từ đầu năm 2017) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đây là kênh thông tin tương tác giữa Chính phủ với người dân, doanh nghiệp do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Trong năm 2017 và 2018, hai hệ thống này đã tiếp nhận 14.906 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, trong đó có 2.464 phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi xem xét, xử lý được chuyển đến các bộ, ngành, địa phương và đã trả lời, đăng tải công khai 2.024 phản ánh, kiến nghị (đạt tỷ lệ 82,14%).

Ngoài ra, Văn phòng Chính phủ cũng đã xây dựng Dự thảo Đề án Công Dịch vụ công quốc gia bảo đảm tuân thủ đúng các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và đã gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các thành viên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử. Hiện Văn phòng Chính phủ đang tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Đề án để trình Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam và Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai các hệ thống phục vụ hoạt động cơ quan nhà nước

+ Kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước: Ngày 12 tháng 7 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg tạo cơ sở pháp lý cho việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. Tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2018, đã có 71/95 cơ quan (bao gồm cả Văn phòng Trung ương Đảng) phối hợp với Văn phòng Chính phủ triển khai thử nghiệm kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản với Trục liên thông văn bản quốc gia, thử nghiệm gửi, nhận văn bản điện tử và 93/93 bộ, ngành, địa phương đã ban hành mã định danh của cơ quan.

+ Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Văn phòng Chính phủ đã hoàn thiện bộ chỉ số báo cáo kinh tế, xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho một số lĩnh vực kinh tế-xã hội, triển khai thử nghiệm Bảng hiển thị trực quan (Dashboard) tình hình biến động các chỉ số. Dự kiến, trong tháng 01 năm 2019, sẽ tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia về bộ chỉ số để hoàn thiện và báo cáo Thủ tướng trước khi triển khai.

+ Thiết lập Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ và Hệ thống thông tin tham vấn chính sách: Văn phòng Chính phủ đã xây dựng 02 dự thảo Đề án này, trong đó Đề án thiết lập Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đã trình Thủ tướng Chính phủ, Đề án thiết lập Hệ thống

⁸ Báo cáo số 4310/BTTTT-THH ngày 20/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông

thông tin tham vấn chính sách đã gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, dự kiến trình Thủ tướng trong tháng 01/2019.

4. Về vấn đề an toàn thông tin mạng

Trước thực trạng lây nhiễm mã độc tại Việt Nam hiện nay rất đáng báo động⁹, để nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, cải thiện mức độ tin cậy của quốc gia trong hoạt động giao dịch điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 4 tháng 7 năm 2018 về bảo vệ bí mật Nhà nước trên không gian mạng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1017/QĐ-TTg phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm phạm, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin, dịch vụ CNTT phục vụ Chính phủ điện tử. Tháng 10 năm 2018 vừa qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia¹⁰.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Một số kết quả đạt được

Việc triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong năm vừa qua đã đạt được một số kết quả tích cực, đặc biệt trong chỉ đạo điều hành, tạo lập cơ sở pháp lý cho triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Việc triển khai Chính phủ điện tử trong thời gian qua với sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy được tính tập trung, thống nhất trong chỉ đạo và triển khai, nâng cao nhận thức của các cơ quan trong việc thực hiện, huy

⁹ Trong khuôn khổ chương trình Đoàn công tác liên ngành do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ dẫn đầu đến làm việc tại Liên bang Nga, Đoàn công tác đã làm việc với Công ty an ninh mạng Kaspersky Lab và được Chủ tịch, Giám đốc điều hành Kaspersky cũng như các chuyên gia giới thiệu, chia sẻ thông tin về an toàn thông tin mạng, đồng thời cảnh báo về tình hình tấn công mạng tại Việt Nam. Theo Kaspersky, Việt Nam đứng đầu trong top 10 quốc gia bị tấn công vào các máy tính mạng công nghiệp, đứng thứ 7 trong top 10 quốc gia bị tấn công bởi các loại mã độc mã hóa dữ liệu đòi tiền chuộc, đứng thứ 5 trong nhóm 10 quốc gia bị tấn công bởi mã độc đào tiền ảo, đứng thứ 8 trong nhóm 10 quốc gia bị nhiễm mã độc hại qua thiết bị USB. Tỷ lệ máy tính, mạng máy tính bị nhiễm mã độc ngày càng gia tăng với tốc độ ước tính khoảng hơn 300% mỗi năm, đã phát hiện hơn 100 triệu mã độc lây nhiễm tại Việt Nam, đa phần là máy tính văn phòng. Mục tiêu tấn công thường là các cơ quan Nhà nước, Chính phủ, cơ sở giáo dục, tổ chức tài chính và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, viễn thông, CNTT. Hình thức tấn công chủ yếu là thực hiện lây lan mã độc qua thư điện tử giả danh, ổ cứng/thẻ nhớ cắm ngoài, liên kết trên các website độc hại và trang mạng xã hội.

¹⁰ Có chức năng giám sát, là đầu mối kỹ thuật về giám sát, hỗ trợ bảo đảm an toàn thông tin cho người dân, doanh nghiệp và các hệ thống thông tin của Đảng, Nhà nước theo quy định của pháp luật; quản lý, vận hành các hệ thống số liệu, cơ sở dữ liệu về an toàn thông tin, hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia phục vụ công tác quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về an toàn thông tin.

động được sự vào cuộc của khu vực tư nhân và những chuyên gia Việt Nam giỏi trong nước và quốc tế. Những định hướng trong triển khai Chính phủ điện tử trong năm qua được các tổ chức, chuyên gia quốc tế đánh giá là đúng hướng và phù hợp với xu hướng phát triển Chính phủ điện tử trên thế giới hiện nay.

Bên cạnh đó, các hệ thống nền tảng Chính phủ điện tử đã được nhìn nhận một cách tổng thể và đã triển khai hoặc tiến hành thử nghiệm một số hệ thống nền tảng. Các hệ thống triển khai đều đóng vai trò quan trọng trong hiện đại hóa các hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp và nhận được sự ủng hộ, tham gia tích cực của các Bộ, ngành, địa phương cũng như nhận được sự ghi nhận của người dân và doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Chính phủ điện tử còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Hệ thống nền tảng kết nối, liên thông, tích hợp chia sẻ dữ liệu (NGSP) triển khai chậm, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử (LGSP) tại các bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thành. Một số cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử như: Dân cư, đất đai, tài chính còn chậm triển khai dẫn đến việc chia sẻ, dùng chung các hệ thống thông tin chưa được thực hiện, làm ảnh hưởng đến triển khai Chính phủ điện tử. Việc xử lý, trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử trong nội bộ và giữa các cơ quan nhà nước còn chưa phát huy được hiệu quả; hệ thống quản lý văn bản và điều hành của một số bộ, ngành, địa phương khác nhau.

- Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế riêng lẻ, rời rạc, chưa thân thiện, chưa lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Mặc dù số lượng dịch vụ công mức 3, mức 4 triển khai tại các bộ, ngành, địa phương ngày càng tăng, tuy nhiên số lượng hồ sơ trực tuyến theo từng dịch vụ rất thấp, thậm chí nhiều dịch vụ không phát sinh hồ sơ trực tuyến. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính chưa bảo đảm tính khoa học, gây gánh nặng cho cán bộ công chức.

- Ngân sách đầu tư cho ứng dụng CNTT, xây dựng hệ thống thông tin gắn với cải cách hành chính vẫn còn hạn chế, cơ chế đầu tư tài chính chậm sửa đổi nên chưa đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa nền hành chính, chưa đủ để tạo ra đòn bẩy nâng cao hiệu quả điều hành của Chính phủ, cũng như tăng chất lượng dịch vụ công.

3. Nguyên nhân, thách thức

- Về thể chế: còn thiếu các quy định pháp lý về kết nối, chia sẻ dữ liệu; xác thực và định danh cá nhân, tổ chức cho các giao dịch trên môi trường mạng; bảo vệ dữ liệu cá nhân; văn thư, lưu trữ điện tử; quy trình chuẩn trong giải quyết công việc trên môi trường mạng tại các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ công. Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an đang tích cực xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng các Nghị định quan trọng về kết nối, chia sẻ dữ liệu, về xác thực và định danh cá nhân, tổ chức, về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng tiến độ đang chậm so với yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

- Về công nghệ: Khung kiến trúc Chính phủ điện tử (1.0) được ban hành từ năm 2015, không được cập nhật kịp thời xu hướng phát triển Chính phủ điện tử và nhiều công nghệ mới trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Tiến độ triển khai Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) còn chậm. Hạ tầng CNTT chưa đồng bộ, thiếu hệ thống/nền tảng liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Việc bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cũng chưa được coi trọng.

- Về tổ chức thực thi: Việc chỉ đạo triển khai xây dựng chính phủ điện tử tại một số bộ, ngành, địa phương còn chưa gắn kết với cải cách hành chính dẫn đến việc xây dựng các ứng dụng thiếu hiệu quả; công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa linh hoạt, thiếu chặt chẽ; vẫn có tâm lý, thói quen cát cứ, không sẵn sàng chia sẻ, công khai/mở thông tin, dữ liệu; chưa nêu cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu bộ, ngành, địa phương.

- Về nguồn lực tài chính trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước, chưa phát huy tối đa sự tham gia của khu vực tư nhân trong xây dựng chính phủ điện tử trong khi nguồn lực ở các doanh nghiệp này là rất lớn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề thúc đẩy xây dựng Chính phủ điện tử trong năm 2019, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ một số vấn đề như sau:

1. Sớm ban hành Nghị quyết của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025; phê duyệt Đề án xây dựng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet).

2. Tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương:

- Khẩn trương thành lập Ban chỉ đạo Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tại cơ quan mình do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm Trưởng ban nhằm phát huy vai trò của người đứng đầu, việc thành lập hoàn thành trong 01 năm 2019.

- Khẩn trương xây dựng Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh bám sát các yêu cầu tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn;

- Hoàn thành việc kết nối, chính thức gửi, nhận văn bản điện tử theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

- Tìm kiếm, huy động các nguồn lực từ khu vực tư nhân và các tổ chức quốc tế; tạo điều kiện tối đa để các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân cùng tham gia trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nghị định về kết nối, chia sẻ dữ liệu và Nghị định về xác thực và định danh điện tử; hoàn thiện Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) và kiến trúc Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2025 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Bộ Công an đẩy nhanh tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sớm trình Chính phủ Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

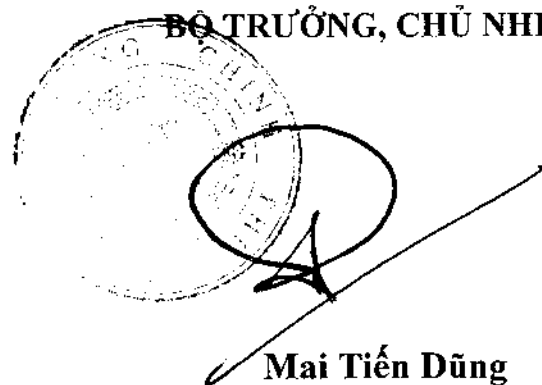
- Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ xây dựng và sớm đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai xây dựng Chính phủ điện tử năm 2018, Văn phòng Chính phủ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc TW;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT(3b). Trung. 168

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Mai Tiến Dũng

Phụ lục
SỐ LIỆU VỀ CHỈ SỐ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ ĐẾN QUÝ IV/2018
(Kèm theo Báo cáo số 1250/BC-VPCP ngày 25 tháng 12 năm 2018
của Văn phòng Chính phủ)

1. Số liệu về chỉ số dịch vụ công trực tuyến

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Tiêu chí	Mức độ	Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018
Số lượng DVCTT được cung cấp	3	946	948	981	989
	4	605	630	674	732
	Tổng 3, 4	1.551	1.578	1.655	1.721
Số lượng DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	3	301	350	329	398
	4	75	233	224	460
	Tổng 3, 4	376	583	553	858
Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	3	31,82%	36,92%	33,54%	40,24%
	4	12,40%	36,98%	33,23%	62,84%
	Tổng 3, 4	24,24%	36,95%	33,41%	49,85%

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tiêu chí	Mức độ	Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018
Tổng số DVCTT được cung cấp	3	40.407	41.632	44.411	37.589
	4	4.967	6.142	7.059	7.858
	Tổng 3, 4	45.374	47.774	51.470	45.247
Số lượng DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	3	879	3.692	4.264	4.147
	4	3.517	1.172	1.316	1.666
	Tổng 3, 4	4.396	4.864	5.580	5.813
Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	3	2,18%	8,87%	9,60%	11,09%
	4	70,81%	19,08%	18,65%	21,20%
	Tổng 3, 4	9,69%	10,18%	10,84%	12,84%

2. Số liệu về chỉ số hạ tầng viễn thông

Stt	Chỉ tiêu	Quý I/2018	Quý II/2018	Quý III/2018	Quý IV/2018
1	Tỷ lệ người sử dụng Internet (% dân số)	54,19	54,19	58,14	58,14
2	Số thuê bao điện thoại cố định/100 dân	4,90	4,90	4,68	4,31
3	Số thuê bao di động/100 dân	129,0	132,6	133,85	133,26
4	Số thuê bao băng thông rộng cố định (có dây)/100 dân	12,00	13,26	13,79	13,00
5	Số thuê bao băng rộng không dây/100 dân	48,40	54,5	71,13	58,70

3. Số liệu về chỉ số nguồn nhân lực

Stt	Tiêu chí	Số liệu
1	Tỷ lệ người trưởng thành biết đọc, biết viết - Số người trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên) - Số người trưởng thành biết chữ - Tỷ lệ biết chữ ở người trưởng thành	69.521.304 người 65.957.848 người 94,87 %
2	Tỷ lệ đăng ký nhập học chung a) Cấp tiểu học - Dân số trong độ tuổi đi học (6 - 10 tuổi) - Số người đi học tiểu học - Tỷ lệ nhập học chung b) Cấp Trung học cơ sở (THCS) và bổ túc văn hóa (BTVH) - Dân số trong độ tuổi đi học (11 - 14 tuổi) - Số người đi học THCS (bao gồm cả HV BTVH) - Tỷ lệ nhập học chung c) Cấp trung học phổ thông (THPT) - Dân số trong độ tuổi đi học (15 - 17 tuổi) - Số người đi học THPT (bao gồm cả HV BTVH) - Tỷ lệ nhập học chung d) Sau phổ thông - Dân số trong độ tuổi đi học (18 - 22 tuổi) - Số người đi học cấp Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề, Đại học và Sau đại học	7.262.728 người 7.790.009 người 107,26% 5.623.139 người 5.166.349 người 91,87% 3.971.004 người 2.612.977 người 65,80% 6.689.282 người 2.769.797 người

Stt	Tiêu chí	Số liệu
	- Tỷ lệ nhập học chung	41,41%
3	Tổng số năm học của một học sinh	11,01 năm
4	Số năm học trung bình của một người khi đến tuổi trưởng thành	7,15 năm

4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT và ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành của cơ quan nhà nước

Stt	Tiêu chí	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Cơ quan thuộc Chính phủ	Tỉnh, thành phố trực thuộc TW
Về hạ tầng kỹ thuật CNTT				
1	Tỷ lệ băng thông kết nối Internet quy đổi/ CBCCVC (Mbps/ người) (Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet)	5,42 Mbps/người	4,54 Mbps/người	6,28 Mbps/người
2	Tỷ lệ cơ quan có mạng diện rộng (WAN)	91%	85,71%	85,71%
3	Tỷ lệ bộ/tỉnh - Có trung tâm dữ liệu (Data center) - Có trung tâm dữ liệu dự phòng - Chỉ có phòng máy chủ	81,82% 45,45% 36,36%	57,14% 28,57% 71,43%	85,71% 23,81% 46,03%
4	Tỷ lệ bộ/tỉnh đã triển khai mô hình điện toán đám mây	63,64%	71,43%	47,62%
Về triển khai ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành của cơ quan nhà nước				
5	Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc	97,00%	79,17%	87,22%
6	Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc			
	Tỷ lệ cơ quan (bộ/tỉnh) có Hệ thống dùng chung đã được tất cả các đơn vị sử dụng chung	90,91%	100%	74,60%

Stt	Tiêu chí	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Cơ quan thuộc Chính phủ	Tỉnh, thành phố trực thuộc TW
	Tỷ lệ cơ quan có hệ thống dùng chung triển khai cho một số đơn vị và một số đơn vị có hệ thống dùng riêng, nhưng tất cả các hệ thống này đã kết nối với nhau	0%	0%	25,40%
	Tỷ lệ cơ quan có hệ thống dùng chung triển khai cho một số đơn vị và một số đơn vị có hệ thống dùng riêng, nhưng các hệ thống này chưa kết nối hết với nhau	9,09%	0%	0%
7	Sử dụng chữ ký số			
	- Tỷ lệ cơ quan đã tích hợp dịch vụ chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ vào Hệ thống thư điện tử dùng chung	54,55%	28,57%	33,33%
	- Tỷ lệ cơ quan đã tích hợp dịch vụ chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ vào hệ thống QLVBDH dùng chung	86,36%	71,43%	80,95%
8	Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP - Local Government Service Platform).			
	- Tỷ lệ cơ quan đã xây dựng LGSP	27,27%	14,29%	23,81%
	- Tỷ lệ cơ quan đang xây dựng LGSP	50,00%	42,86%	36,51%
9	Phần mềm Một cửa điện tử			
	- Tỷ lệ cơ quan triển khai theo mô hình một hệ thống tập trung (mô hình client - server trên nền web hay dạng windows form)	50,00%	-	84,13%
	- Tỷ lệ cơ quan dùng chung một phần mềm nhưng phần mềm được cài đặt riêng tại từng đơn vị	4,55%	-	12,70%

Stt	Tiêu chí	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Cơ quan thuộc Chính phủ	Tỉnh, thành phố trực thuộc TW
	- Tỷ lệ cơ quan dùng phần mềm riêng lẻ (nhiều ứng dụng khác nhau của các nhà phát triển khác nhau)	13,64%	-	7,94%
10	Tỷ lệ cơ quan đã ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử	81,82%	0%	90,48%

Nguồn các số liệu tại Phụ lục này được lấy từ báo cáo chuyên đề về tình hình, kết quả cải thiện các chỉ số, chỉ tiêu về Chính phủ điện tử quý IV/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông¹¹ theo nhiệm vụ định kỳ giao tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020./.

¹¹ Công văn số 4310/BTTTT-THII ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Thông tin và Truyền thông về tình hình, kết quả cải thiện các chỉ số, chỉ tiêu về Chính phủ điện tử quý IV năm 2018.